TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST
Ngày: 26/7/2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Bà Ngô Thị Luân;
+ Bà Pang Ting Suyl.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Trọng Thắng – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Đại diện viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/TLST-DS ngày 01/4/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX ST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-DS ngày 04/7/2022; giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ông **Phí Đình D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn Phú Dương, xã H, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

*** *Bị đơn:*** Vợ chồng Ông **Đỗ Xuân Ngh**, sinh năm; 1982.

Bà **Phí Thị Ngh2**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Thôn Vinh Quang, xã H, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông D, vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Phí Đình D trình bày:* Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên từ năm 2018 đến năm 2019 tôi có cho vợ chồng ông Đỗ Xuân Ngh, bà Phí Thị Ngh2 vay tiền nhiều lần. Tính đến ngày 07/10/2019 hai bên chốt lại số tiền nợ là

5.600.000.000đồng, hai bên thỏa thuận vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 chuyển nhượng cho tôi một lô đất thuộc quyền sử dụng của ông Ngh bà Ngh2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 554003 do UBND huyện Phú Quốc cấp ngày 20/12/2010 với giá 4.000.000.000đ để cấn trừ nợ. Số nợ còn lại 1.600.000.000đ hẹn tới ngày 30/12/2020 ông Ngh bà Ngh2 sẽ trả, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng. Hai bên có lập văn bản thỏa thuận ngày 07/10/2019. Sau đó ông Ngh bà Ngh2 đã thực hiện theo thỏa thuận ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất cho tôi nêu trên để cấn trừ nợ 4.000.000.000đ, số tiền ông Ngh bà Ngh2 con nợ là 1.600.000.000đ. Tuy nhiên, quá hẹn thỏa thuận ông Ngh bà Ngh2 không tự nguyện trả tiền cho tôi mặc dù tôi đã yêu cầu nhiều lần. Do đó tôi đề nghị Tòa án huyện Lâm Hà giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Xuân Ngh bà Phí Thị Ngh2 phải trả cho tôi số tiền gốc là 1.600.000.000đ, tiền lãi theo thỏa thuận tính từ ngày 07/10/2019 đến ngày 30/12/2020 là 14 tháng 23 ngày với mức lãi suất là 1,2%/ tháng = 283.520.000đ; tiền lãi quá hạn từ ngày 30/12/2020 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án tạm tính là 15 tháng với mức lãi suất 150% mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,8%/tháng, thành tiền là 432.000.000đ, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả tính từ ngày 30/12/2020 cho đến khi vụ án được giải quyết xong tạm tính là 15 tháng với mức lãi là 0.83%/tháng, thành tiền là 35.298.240đ. Tổng số tiền tôi yêu cầu ông Ngh bà Ngh2 phải trả là 2.350.818.240đ. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì thêm

***** *Theo ông Đỗ Xuân Ngh, bà Phí Thị Ngh2 trình bày:* Năm 2018 vợ chồng ông, bà có vay của ông Phí Đình D số tiền là 5.600.000.000đồng, trong quá trình vay vợ chồng ông bà đã trả được số tiền là 4.000.000.000đ cùng tiền lãi (cấn trừ một lô đất ở huyện đảo Phú Quốc), còn nợ lại 1.600.000.000đ hai bên có viết văn bản thỏa thuận với nhau về thời hạn trả và lãi suất là 1.2%/tháng. Nhưng do dịch bệnh vợ chồng ông bà làm ăn bị thua lỗ nên chưa có số tiền trên trả cho ông Phí Đình D. Nay ông Phí Đình D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền gốc 1.600.000.000đ thì ông bà đồng ý, còn khoản tiền lãi suất vợ chồng ông bà đề nghị ông D không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra ông, bà không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc ông D cho vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 vay số tiền 1.600.000.000đồng vào ngày 07/10/2019 việc vay tiền giữa các bên có viết văn bản thỏa thuận và thời hạn thanh toán vào ngày 30/12/2020. Đến hạn vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 không trả tiền gốc và tiền lãi suất cho ông D theo văn bản thỏa thuận ngày 07/10/2019 nên các bên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, cần căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ *" Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*. Vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2].Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 07/10/2019 vợ chồng ông Đỗ Xuân Ngh, bà Phí Thị Ngh2 có thỏa thuận với ông Phí Văn D để vay số tiền 1.600.000.000đ, giữa hai bên có lập văn bản thỏa thuận, thời hạn trả vào ngày 30/12/2020. Đến hạn vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 không trả tiền cho ông D theo thỏa thuận, ông D đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 không trả tiền gốc và tiền lãi suất nên ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2, phải trả cho ông số tiền gốc là 1.600.000.000đồng và tiền lãi suất là 1,2%/tháng, thời gian tính tiền lãi từ kể từ ngày 07/10/2019 cho đến ngày xét xử. Tại phiên tòa vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 cho rằng; Vào năm 2018 vợ chồng ông có vay 5.600.000.000đ của ông D, trong thời gian vay tiền về đầu tư làm ăn vợ chồng ông bà đã cấn trừ cho ông D một lô đất ở huyện đảo Phú Quốc tương ứng với số tiền 4.000.000.000đ, nay vợ chồng ông, bà còn nợ ông D 1.600.000.000đồng tiền gốc. Do dịch bệnh nên vợ chồng ông bà không trả được tiền lãi cho ông D. Đến ngày 07/10/2019 hai bên lập văn bản thỏa thuận, vợ chồng ông, bà còn nợ ông D 1.600.000.000đ tiền gốc, lãi suất thỏa thuận là 1.2%/tháng, thời hạn trả vào ngày 30/12/2020 vợ chồng ông, bà phải trả tiền gốc và tiền lãi suất cho ông D. Nay ông D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 trả 1.600.000.000đ tiền gốc thì vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 đồng ý theo yêu cầu của ông D. Xét thấy, tại phiên tòa vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 tự nguyện nhận trả cho ông D số tiền gốc là 1.600.000.000đ việc tự nguyện không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2.

Đối với khoản tiền lãi suất vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 đề nghị ông D không yêu cầu đối với khoản tiền lãi suất mà ông, bà đã thỏa thuận. Xét thấy, tại văn bản thỏa thuận ngày 07/10/2019 giữa ông D với vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 có thỏa thuận lãi suất là 1.2%/tháng/số tiền gốc, thời hạn trả tiền gốc và tiền lãi suất vào ngày 30/12/2020. Hết thời hạn trên vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất cho ông D theo văn bản thỏa thuận ngày 07/10/2019 lỗi thuộc về vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 nên ông D yêu cầu vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 trả tiền lãi suất 1.2%/tháng/số tiền gốc, thời gian tính lãi từ ngày 07/10/2019 cho đến ngày xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông D buộc vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 trả tiền lãi theo thỏa thuận 1.2%/tháng/số tiền gốc là phù hợp.

Tiền lãi được tính cụ thể như sau: Từ ngày 07/10/2019 đến ngày 26/7/2022 là 33 tháng 19 ngày; 1.600.000.000đ x 1,2%/tháng x 33 tháng = 633.600.000đ; 1.600.000.000đ x 1,2%/tháng x 19 ngày : 30 ngày = 12.160.000đ. Cần buộc vợ chồng ông Ngh bà Ngh2 phải trả cho ông D số tiền lãi suất là: 645.760.000đ.

Đối với khoản tiền lãi chậm trả (quá hạn) kể từ ngày 30/12/2020 ông D yêu cầu vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 phải trả với mức lãi suất 150% đối với lãi thỏa

thuận là 1.2%/tháng (1.2%/tháng x 150% = 1.8%/tháng). Tuy nhiên, Tại phiên tòa hôm nay ông D tự nguyện rút yêu cầu đối với khoản lãi suất chậm trả; Xét thấy; Việc ông D tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi suất chậm trả đối với vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Ngh, bà Ngh2 có đơn xin miễm tiền án phí dân sự sơ thẩm có hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn ½ tiền án phí dân sự sơ thẩm vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phí Đình D, buộc vợ chồng ông Đỗ Xuân Ngh, bà Phí Thị Ngh2 phải trả cho ông Phí Đình D số tiền gốc là 1.600.000.000,đồng *(Một tỷ sáu trăm triệu đồng)* và 645.760.000,đồng *(Sáu trăm bốn mươi triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* tiền lãi suất. Cộng chung là: 2.245.760.000,đồng *(Hai tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)*, vợ chồng ông Ngh, bà Ngh2 tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày tiếp theo (27/7/2022) cho đến khi trả hết số tiền gốc.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác".

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Đỗ Xuân Ngh, bà Phí Thị Ngh2 phải nộp 38.457.600đồng *(Ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Phí Đình D 39.508.000,đồng *(Ba mươi chín triệu năm trăm linh tám nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0003058 ngày 01/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/7/2022) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn